

Số: 633/QĐ-UBND

Quảng Bình, ngày 20 tháng 3 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Đề án sắp xếp, kiện toàn các đơn vị sự nghiệp công lập
trên địa bàn tỉnh Quảng Bình giai đoạn 2024-2025**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG BÌNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức chính phủ và Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Nghị định số 120/2020/NĐ-CP ngày 07/10/2020 của Chính phủ quy định về thành lập, tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Thông báo số 1127-TB/TU ngày 05/02/2024 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy kết luận hội nghị Ban Thường vụ Tỉnh ủy lần thứ 55;

Căn cứ Thông báo số 66-TB/BCSD ngày 27/02/2024 của Ban Cán sự Đảng UBND tỉnh kết luận phiên họp ngày 27/02/2024;

Căn cứ Quyết định số 43/2021/QĐ-UBND ngày 23/11/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quy định phân công, phân cấp quản lý tổ chức bộ máy, biên chế, số lượng người làm việc, vị trí việc làm của tỉnh Quảng Bình; Quyết định số 14/2022/QĐ-UBND ngày 07/4/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số điều tại Quy định phân công, phân cấp quản lý tổ chức bộ máy, biên chế, số lượng người làm việc, vị trí việc làm của tỉnh Quảng Bình ban hành kèm theo Quyết định số 43/2021/QĐ-UBND ngày 23/11/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nội vụ tại Công văn số 456/TTr-SNV ngày 13/3/2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Đề án sắp xếp, kiện toàn các đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn tỉnh Quảng Bình giai đoạn 2024-2025.

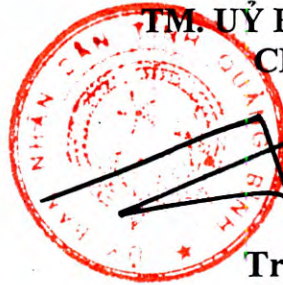
Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.



Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Nội vụ, Giám đốc các Sở, Ban, ngành; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố; Thủ trưởng các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan căn cứ Quyết định thi hành./. *mm*

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- TT TU, TT HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Ban Tổ chức Tỉnh ủy;
- Các Sở, Ban, ngành;
- UBND huyện, thị xã, thành phố;
- Lưu: VT, NC-VX. *mm*



**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Trần Thắng

ĐỀ ÁN

**Sắp xếp, kiện toàn các đơn vị sự nghiệp công lập
trên địa bàn tỉnh Quảng Bình giai đoạn 2024 - 2025**

(Kèm theo Quyết định số 633/QĐ -UBND ngày 20 tháng 3 năm 2024
của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Bình)

Phần I

MỘT SỐ VẤN ĐỀ CHUNG

I. SỰ CẦN THIẾT XÂY DỰNG ĐỀ ÁN

Thực hiện Nghị quyết số 39-NQ/TW ngày 17/4/2015 của Ban Chấp hành Trung ương khóa XI về “ *tinh giản biên chế, cơ cấu lại đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức*”, Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII “*về tiếp tục đổi mới hệ thống tổ chức và quản lý, nâng cao chất lượng và hiệu quả của các đơn vị sự nghiệp công lập*”, Nghị định số 120/2020/NĐ-CP ngày 07/10/2020 của Chính phủ quy định về thành lập, tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập (*sau đây gọi tắt là Nghị định số 120/2020/NĐ-CP*) Tỉnh uỷ, Hội đồng nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh đã chỉ đạo việc sắp xếp, kiện toàn các đơn vị sự nghiệp công lập (*sau đây gọi tắt là đơn vị sự nghiệp*) trên địa bàn tỉnh cơ bản đảm bảo về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức, góp phần đổi mới hệ thống tổ chức quản lý, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp.

Tuy nhiên, bên cạnh kết quả đạt được, công tác sắp xếp, kiện toàn các đơn vị sự nghiệp trên địa bàn tỉnh vẫn còn một số tồn tại, hạn chế. Tổ chức bộ máy các đơn vị sự nghiệp còn chồng chéo, manh mún, phân tán, chồng chéo; quản trị nội bộ chất lượng, hiệu quả dịch vụ thấp. Chi tiêu ngân sách nhà nước cho các đơn vị sự nghiệp công lập còn lớn, một số đơn vị thua lỗ, lãng phí. Cơ cấu đội ngũ cán bộ, viên chức chưa hợp lý, chất lượng chưa cao, năng suất lao động thấp. Thực hiện cơ chế tự chủ tài chính còn hình thức, có phần thiếu minh bạch; việc chuyển đổi từ phí sang giá và lộ trình điều chỉnh giá dịch vụ sự nghiệp công chưa kịp thời, chưa đầy mạnh thực hiện cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp; sự phối hợp giữa các đơn vị có chức năng, nhiệm vụ tương đồng trong hệ thống hiệu quả chưa cao. Việc thực hiện xã hội hoá lĩnh vực dịch vụ sự nghiệp công còn chậm. Hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước còn hạn chế. Công tác thanh tra, kiểm tra, kiểm toán, giám sát và xử lý sai phạm trong hoạt động của đơn vị sự nghiệp công lập còn bất cập.

Tiếp tục thực hiện mục tiêu đảm bảo đến năm 2025 giảm tối thiểu bình quân 10% đơn vị sự nghiệp công lập so với năm 2021 tại Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 25/10/2017 Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII “*về tiếp tục đổi mới hệ thống tổ chức và quản lý, nâng cao chất lượng và hiệu quả của các đơn*

vi sự nghiệp công lập”, Công điện số 209/CĐ-TTg ngày 28/02/2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc sắp xếp tổ chức hành chính và đơn vị sự nghiệp công lập. Việc xây dựng và ban hành Đề án sắp xếp, kiện toàn các đơn vị sự nghiệp trên địa bàn tỉnh Quảng Bình để sắp xếp, kiện toàn các đơn vị sự nghiệp theo các tiêu chí đề ra, đáp ứng yêu cầu tinh gọn bộ máy, bố trí số lượng cấp phó theo quy định, nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp trên địa bàn tỉnh là yêu cầu cần thiết hiện nay.

Giai đoạn 2015-2021 tỉnh Quảng Bình đã thực hiện sắp xếp, kiện toàn các đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn tỉnh giảm 48 đơn vị, đạt tỷ lệ 6,45%, đảm bảo các nội dung theo hướng dẫn và các đơn vị đang dần ổn định hoạt động. Số lượng đơn vị sự nghiệp công lập toàn tỉnh đến 31/12/2021 là 693 đơn vị.

Đến năm 2025, tỉnh Quảng Bình phải thực hiện giảm tối thiểu 10% số lượng đơn vị sự nghiệp công lập so với năm 2021, tương đương với 70 đơn vị. Thực hiện Nghị định số 120/2020/NĐ-CP ngày 07/10/2020 của Chính phủ quy định về thành lập, tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập; từ 31/12/2021 đến 31/12/2023 đã thực hiện giảm 26 đơn vị¹ (đạt 3,7%). Từ năm 2024 đến năm 2025 toàn tỉnh còn phải thực hiện giảm tối thiểu 44 đơn vị (tương đương 6,3%).

II. CƠ SỞ PHÁP LÝ

1. Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019.

2. Nghị quyết số 39-NQ/TW ngày 17/4/2015 của Bộ Chính trị về tinh giản biên chế và cơ cấu lại đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức.

3. Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Hội nghị lần thứ sáu Ban chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về “tiếp tục đổi mới hệ thống tổ chức và quản lý, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập”.

4. Kết luận số 74-KL/TW ngày 22/5/2020 của Ban Chấp hành Trung ương về kết luận của Bộ Chính trị về kết quả 02 năm thực hiện Nghị quyết số 18-NQ/TW và Nghị quyết số 19-NQ/TW của Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII và 04 năm thực hiện Nghị quyết 39-NQ/TW của Bộ Chính trị.

5. Nghị quyết số 08/NQ-CP ngày 24/01/2018 của Chính phủ về ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 25 tháng 10 năm 2017 của Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương khóa XII về tiếp tục đổi mới hệ thống tổ chức và quản lý, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập.

6. Nghị quyết số 76/NQ-CP ngày 15/7/2021 của Chính phủ ban hành Chương trình tổng thể cải cách hành chính Nhà nước giai đoạn 2021-2030;

7. Nghị định số 106/2020/NĐ-CP ngày 10/9/2020 của Chính phủ về vị trí việc làm và số lượng người làm việc trong đơn vị sự nghiệp công lập.

¹ - Cấp tỉnh: giảm 01 đơn vị thuộc lĩnh vực Lao động - Thương binh và Xã hội do hợp nhất Quỹ Bảo trợ trẻ em và Trung tâm Bảo trợ xã hội;

- Cấp huyện: giảm 08 đơn vị do hợp nhất Trung tâm Văn hóa - Thông tin - Thể thao và Đài Truyền thanh - Truyền hình cấp huyện; Giảm 02 đơn vị cấp huyện sáp nhập Trung tâm Tư vấn xây dựng huyện vào Ban Quản lý Dự án đầu tư xây dựng và Phát triển quỹ đất huyện; giảm 15 đơn vị sự nghiệp giáo dục và đào tạo;

8. Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức.

9. Nghị định số 120/2020/NĐ-CP ngày 07/10/2020 của Chính phủ quy định về thành lập, tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập.

10. Quyết định số 2218/QĐ-TTg ngày 10/12/2015 của Thủ tướng Chính phủ về Kế hoạch của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 39-NQ/TW ngày 17/4/2015 của Ban Chấp hành Trung ương.

11. Công điện số 209/CD-TTg ngày 28/02/2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc sắp xếp tổ chức hành chính và đơn vị sự nghiệp công lập của Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

Phần II THỰC TRẠNG TỔ CHỨC BỘ MÁY CÁC ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP CÔNG LẬP

I. THỰC TRẠNG

1. Số lượng đơn vị sự nghiệp

Tính đến thời điểm ngày 31/12/2023 tỉnh Quảng Bình có **667** đơn vị sự nghiệp công lập, trong đó:

1.1. Theo mức độ tự chủ về tài chính của đơn vị

- Đơn vị do ngân sách nhà nước bảo đảm chi thường xuyên: **589** đơn vị;
- Đơn vị tự bảo đảm một phần chi thường xuyên: **45** đơn vị;
- Đơn vị tự bảo đảm chi thường xuyên: **33** đơn vị;

1.2. Theo thẩm quyền quản lý;

- Thuộc UBND tỉnh: **08** đơn vị;
- Thuộc cơ quan chuyên môn, tổ chức hành chính khác thuộc UBND tỉnh: **95** đơn vị;

- Thuộc Chi cục thuộc sở: 01 đơn vị;

- Thuộc đơn vị sự nghiệp công lập thuộc tỉnh: 03 đơn vị;

- Trực thuộc UBND các huyện, thị xã, thành phố: **560** đơn vị.

1.3. Theo ngành, lĩnh vực của đơn vị

- Giáo dục - Đào tạo: **543** đơn vị;
- Giáo dục nghề nghiệp: **11** đơn vị;
- Y tế: 21 đơn vị;
- Nghiên cứu khoa học: **02** đơn vị;
- Văn hóa, thể thao, thông tin và du lịch: **17** đơn vị;
- Sự nghiệp kinh tế và sự nghiệp khác: **73** đơn vị.

2. Tổ chức bộ máy và số lượng cấp phó

a) Đơn vị sự nghiệp thuộc UBND tỉnh

- Toàn tỉnh có 08 đơn vị sự nghiệp công lập thuộc UBND tỉnh (tự đảm bảo toàn bộ chi thường xuyên: 02 đơn vị; đơn vị tự đảm bảo một phần chi thường xuyên: 06 đơn vị).

- Hiện nay có **61** phòng, ban và các tổ chức cấu thành khác (gọi chung là phòng) thuộc đơn vị sự nghiệp công lập thuộc tỉnh;

- Số lượng cấp trưởng của đơn vị là 08 người; cấp phó của người đứng đầu đơn vị là 16 người; cấp trưởng của phòng thuộc đơn vị là 57 người; cấp phó của người đứng đầu phòng thuộc đơn vị là 79 người.

b) Đơn vị sự nghiệp công lập thuộc các sở, ban, ngành thuộc tỉnh

Theo thống kê đến 31/12/2023, toàn tỉnh có 99 đơn vị sự nghiệp công lập thuộc tổ chức hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập cấp tỉnh (bao gồm cả đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Chi cục thuộc Sở), trong đó:

- Đơn vị được giao quyền tự chủ (tự đảm bảo toàn bộ chi thường xuyên) là 14 đơn vị, trong đó có 01 đơn vị² không đáp ứng đủ các điều kiện, tiêu chí về số lượng người làm việc (viên chức) tối thiểu (15 người) để thành lập.

+ Có 93 phòng, ban và các tổ chức cấu thành khác (gọi chung là phòng) thuộc đơn vị;

- Số lượng cấp trưởng của đơn vị là 13 người; cấp phó của người đứng đầu đơn vị là 26 người; cấp trưởng của phòng thuộc đơn vị là 79 người; cấp phó của người đứng đầu phòng thuộc đơn vị là 81 người.

- Đơn vị tự đảm bảo một phần chi thường xuyên là 29 đơn vị;

+ Có 200 phòng, ban và các tổ chức cấu thành khác (gọi chung là phòng) thuộc đơn vị;

+ Số lượng cấp trưởng của đơn vị là 28 người; cấp phó của người đứng đầu đơn vị là 27 người; cấp trưởng của phòng thuộc đơn vị là 165 người; cấp phó của người đứng đầu phòng thuộc đơn vị là 172 người.

- Đơn vị do ngân sách nhà nước đảm bảo chi thường xuyên là 56 đơn vị, trong đó có 02 đơn vị³ không đáp ứng đủ các điều kiện, tiêu chí về số lượng người làm việc (viên chức) tối thiểu (15 người) để thành lập

+ Có 487 phòng, ban và các tổ chức cấu thành khác (gọi chung là phòng) thuộc đơn vị;

+ Số lượng cấp trưởng của đơn vị là 52 người; cấp phó của người đứng đầu đơn vị là 112 người; cấp trưởng của phòng thuộc đơn vị là 444 người; cấp phó của người đứng đầu phòng thuộc đơn vị là 434 người.

c) Đơn vị sự nghiệp công lập thuộc UBND các huyện, thị xã, thành phố

Đến 31/12/2023, toàn tỉnh có 560 đơn vị sự nghiệp công lập thuộc UBND các huyện, thị xã, thành phố, trong đó:

- Đơn vị được giao quyền tự chủ (tự đảm bảo toàn bộ chi thường xuyên) là 17 đơn vị, trong đó có 02 đơn vị⁴ không đáp ứng đủ các điều kiện, tiêu chí về số lượng người làm việc (viên chức) tối thiểu (15 người) để thành lập.

Số lượng cấp trưởng của đơn vị là 16 người; cấp phó của người đứng đầu đơn vị là 39 người.

- Đơn vị tự đảm bảo một phần chi thường xuyên là 10 đơn vị, trong đó có 05 đơn vị⁵ không đáp ứng đủ các điều kiện, tiêu chí về số lượng người làm việc (viên chức) tối thiểu (15 người) để thành lập.

² Trung tâm Đăng kiểm tàu cá thuộc Chi cục Thủy sản thuộc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

³ Trung tâm Tư vấn xúc tiến đầu tư (thuộc Sở Kế hoạch và Đầu tư), Thư viện tỉnh (thuộc Sở Văn hoá và Thể thao), Trung tâm Thông tin – Xúc tiến du lịch (thuộc Sở Du lịch);

⁴ Ban Quản lý các công trình công cộng thuộc UBND huyện Quảng Trạch và thị xã Ba Đồn;

⁵ Trung tâm Dịch vụ nông nghiệp thành phố Đồng Hới, thị xã Ba Đồn, các huyện: Tuyên Hoá, Quảng Trạch, Quảng Ninh;

Số lượng cấp trưởng của đơn vị là 10 người; cấp phó của người đứng đầu đơn vị là 18 người.

- Đơn vị do ngân sách nhà nước đảm bảo chi thường xuyên là 533 đơn vị, trong đó có 03 đơn vị⁶ không đáp ứng đủ các điều kiện, tiêu chí về số lượng người làm việc (viên chức) tối thiểu (15 người) để thành lập.

Số lượng cấp trưởng của đơn vị là 529 người; cấp phó của người đứng đầu đơn vị là 767 người.

II. ĐÁNH GIÁ CHUNG

1. Ưu điểm

Các cấp chính quyền của tỉnh đã chủ động sắp xếp các đơn vị sự nghiệp theo Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về tiếp tục đổi mới hệ thống tổ chức và quản lý, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập theo hướng tinh gọn, giảm đầu mối (giảm 65 đơn vị so với năm 2015) từng bước gắn việc bố trí viên chức, số lượng người làm việc theo vị trí việc làm.

Các đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn tỉnh được thành lập theo Nghị định của Chính phủ, Thông tư hướng dẫn của các bộ, ngành ở Trung ương và tình hình thực tế ở địa phương; hầu hết các đơn vị đã xây dựng đề án vị trí việc làm, ban hành quy định chức năng, nhiệm vụ, cơ cấu tổ chức, thực hiện các nhiệm vụ được giao; một số đơn vị sự nghiệp đã tự chủ về tài chính, phát huy vai trò của người đứng đầu đơn vị trong việc thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm.

Ủy ban nhân dân tỉnh đã bám sát các quy định của bộ, ngành ở Trung ương để thực hiện quản lý đối với các đơn vị sự nghiệp trên địa bàn tỉnh và đạt được một số kết quả, giao quyền tự chủ, chủ động cho đơn vị sự nghiệp trong việc quản lý chi tiêu tài chính; từng bước giảm bớt sự can thiệp của cơ quan quản lý cấp trên; thu nhập của người lao động từng bước được cải thiện, phân phối tiền lương của đơn vị sự nghiệp đã gắn với hiệu quả chất lượng công việc.

2. Tồn tại, hạn chế

Bên cạnh những kết quả đạt được, trong quá trình thực hiện còn có những tồn tại, hạn chế. Một số đơn vị sự nghiệp còn chậm đổi mới hoạt động trong việc cung ứng dịch vụ công, vẫn còn tư tưởng trông chờ vào ngân sách của nhà nước; một số đơn vị có cơ cấu tổ chức, biên chế, cơ cấu đội ngũ chưa hợp lý; một số đơn vị sự nghiệp công lập còn có sự chòng chéo về chức năng, nhiệm vụ. Công tác đổi mới hệ thống tổ chức các đơn vị sự nghiệp công lập còn chậm. Hệ thống tổ chức các đơn vị sự nghiệp còn chồng chéo, phân tán, chòng chéo; quản trị nội bộ chất lượng, hiệu quả dịch vụ thấp. Chi tiêu ngân sách nhà nước cho các đơn vị sự nghiệp công lập còn lớn. Thực hiện cơ chế tự chủ tài chính còn thấp; việc chuyển đổi từ phí sang giá và lộ trình điều chỉnh giá dịch vụ sự nghiệp công chưa kịp thời. Việc thực hiện xã hội hoá lĩnh vực dịch vụ sự nghiệp công còn chậm.

⁶ Đội Quy tắc và trật tự đô thị thành phố Đồng Hới; Đội Quản lý trật tự đô thị xã Ba Đồn; Đội Quản lý trật tự đô thị huyện Minh Hoá;

Phần III
PHƯƠNG ÁN SẮP XẾP, KIẾN TOÀN
CÁC ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP CÔNG LẬP

I. QUAN ĐIỂM VÀ MỤC TIÊU SẮP XẾP, KIẾN TOÀN CÁC ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP CÔNG LẬP

1. Quan điểm

a) Bảo đảm sự lãnh đạo của Đảng, quản lý của Nhà nước, quyền tự chủ và tự chịu trách nhiệm toàn diện về thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, nhân sự và tài chính của đơn vị sự nghiệp, phát huy vai trò giám sát của người dân trong quá trình đổi mới hệ thống tổ chức và quản lý, nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp;

b) Đổi mới hệ thống tổ chức và quản lý, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập là một trong những nhiệm vụ trọng tâm ưu tiên hàng đầu, vừa cấp bách, vừa lâu dài của tất cả các cấp ủy Đảng, chính quyền và toàn hệ thống chính trị. Gắn đổi mới tổ chức bộ máy với đổi mới phương thức lãnh đạo, tinh giản biên chế và cải cách chế độ tiền lương; cơ cấu lại và nâng cao chất lượng đội ngũ viên chức;

c) Đổi mới căn bản, toàn diện và đồng bộ hệ thống các đơn vị sự nghiệp công lập, bảo đảm tinh gọn, có cơ cấu hợp lý, có năng lực tự chủ, quản trị tiên tiến, hoạt động hiệu lực, hiệu quả;

2. Mục tiêu

a) Thu gọn đầu mối, đẩy mạnh tự chủ về tài chính đối với đơn vị sự nghiệp công lập và thực hiện xã hội hoá hoạt động cung ứng dịch vụ sự nghiệp công để đạt mục tiêu của Nghị quyết số 19-NQ/TW giai đoạn 2021-2025: Đến năm 2025, cơ bản hoàn thành việc sắp xếp đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn toàn tỉnh theo hướng tinh gọn, giảm tối thiểu 10% số lượng đơn vị sự nghiệp công lập so với năm 2021.

b) Giảm số lượng các đơn vị sự nghiệp công lập, phấn đấu tinh giản biên chế, giảm chi trực tiếp từ ngân sách nhà nước.

II. NGUYÊN TẮC

1. Việc rà soát, sắp xếp các đơn vị sự nghiệp trên địa bàn tỉnh được tiến hành đồng bộ, toàn diện từ việc rà soát chức năng, nhiệm vụ của đơn vị gắn với tình hình thực tiễn của địa phương, đến việc sắp xếp, kiện toàn các phòng, ban và các tổ chức cấu thành khác gắn với việc sắp xếp, bố trí đội ngũ viên chức phù hợp và đảm bảo chất lượng, số lượng để nâng cao hiệu quả, hoàn thành nhiệm vụ được giao.

2. Sắp xếp, kiện toàn phải đảm bảo nguyên tắc một đơn vị thực hiện nhiều nhóm chức năng, nhiệm vụ và một nhóm chức năng, nhiệm vụ chỉ giao cho một đơn vị chủ trì thực hiện và chịu trách nhiệm chính; đồng thời, phù hợp với điều kiện về kinh tế của địa phương theo hướng tinh gọn, hiệu quả, tránh phân tán, chồng chéo chức năng, nhiệm vụ. Mô hình và quy mô tổ chức bộ máy phải phù hợp với tính chất, đặc điểm, chức năng, nhiệm vụ của từng cơ quan, đơn vị, địa phương.

3. Việc sắp xếp, kiện toàn đơn vị sự nghiệp công lập không được làm tăng thêm số lượng người hưởng lương từ ngân sách nhà nước đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt; việc thành lập mới đơn vị sự nghiệp công lập phải thực hiện đúng nguyên tắc đơn vị sự nghiệp phải tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư

(trừ trường hợp phải thành lập mới để cung ứng dịch vụ sự nghiệp công cơ bản, thiết yếu).

4. Việc giải quyết chế độ cho viên chức phải đảm bảo đúng quy định và đảm bảo lợi ích hợp pháp cho người lao động; gắn việc sắp xếp, kiện toàn với việc thực hiện chính sách tinh giản biên chế theo Nghị định số 108/2014/NĐ-CP ngày 20/11/2014, Nghị định số 113/2018/NĐ-CP ngày 31/8/2018 và Nghị định số 143/2020/NĐ-CP ngày 10/12/2020 của Chính phủ.

5. Các đơn vị sự nghiệp công lập tùy tình hình thực tế nhiệm vụ của cơ quan, địa phương căn cứ số lượng cấp phó tối đa để thực hiện sắp xếp, bố trí phù hợp (có thể bố trí ít hơn nhưng vẫn đảm bảo hiệu quả công việc).

Trong trường hợp đơn vị sự nghiệp công lập sau sắp xếp làm số lượng cấp phó có thể cao hơn quy định tại Nghị định số 120/2020/NĐ-CP và quy định tại Đề án này, nhưng khi có cấp phó nghỉ hưu hoặc điều chuyển công tác thì không được bổ sung và phải có giải pháp điều chỉnh, sắp xếp lại số cấp phó vượt quy định trong thời hạn 03 năm kể từ ngày thực hiện việc sắp xếp.

6. Đối với các đơn vị sự nghiệp công lập giáo dục và đào tạo: Sắp xếp, tổ chức lại các trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở, trung học phổ thông theo hướng hình thành trường phổ thông nhiều cấp học trong cùng địa bàn; Rà soát, sắp xếp, điều chỉnh hợp lý quy mô lớp học, thu gọn các điểm trường lẻ trên nguyên tắc thuận lợi cho người dân và phù hợp với điều kiện thực tế của vùng, miền, địa phương, cụ thể:

a) Đối với các Trường Mầm non: Rà soát số lượng các Trường Mầm non công lập, Trường Mầm non tư thục trên địa bàn các huyện, thị xã, thành phố; trên cơ sở đó, thực hiện xã hội hóa những nơi có điều kiện (những nơi đã có trường mầm non tư thục, thì giảm số lượng trường, lớp mầm non công lập);

b) Đối với các Trường Tiểu học có quy mô nhỏ, nhiều trường trên cùng địa bàn xã, phường, thị trấn thì sáp nhập thành một Trường Tiểu học và có thêm điểm trường;

c) Đối với các Trường Trung học cơ sở có quy mô nhỏ trên cùng địa bàn xã, phường, thị trấn thì sáp nhập thành một Trường Trung học cơ sở;

d) Đối với các Trường tiểu học, Trường Trung học cơ sở có quy mô nhỏ, ít học sinh trên cùng một địa bàn xã, phường, thị trấn thì sáp nhập thành Trường tiểu học và Trung học cơ sở (trường có 2 cấp học);

III. PHƯƠNG ÁN SẮP XẾP, KIẾN TOÀN CÁC ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP

Căn cứ quy định của Trung ương về sắp xếp, kiện toàn đơn vị sự nghiệp và để đảm bảo thực hiện có hiệu quả đối với lĩnh vực quản lý, chức năng, nhiệm vụ được giao của các đơn vị sự nghiệp trên địa bàn tỉnh; UBND tỉnh xây dựng phương án sắp xếp, kiện toàn các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc UBND tỉnh, các sở, ban, ngành và UBND các huyện, thị xã, thành phố như sau:

1. Đơn vị sự nghiệp thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh

Giữ nguyên 08 đơn vị thuộc UBND tỉnh (02 đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo toàn bộ chi thường xuyên và 06 đơn vị sự nghiệp tự đảm bảo một phần chi thường xuyên). Các đơn vị thực hiện sắp xếp tổ chức bộ máy bên trong, xây dựng, phê duyệt Đề án vị trí việc làm theo thẩm quyền để đảm bảo số lượng người

làm việc là viên chức tối thiểu (15 người), đảm bảo mỗi phòng phải bố trí từ 07 người làm việc là viên chức trở lên⁷.

2. Đơn vị sự nghiệp công lập thuộc các Sở, Ban, Ngành thuộc tỉnh

a) Lĩnh vực Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

- Hợp nhất Trung tâm Giống vật nuôi; Trung tâm Giống thủy sản thành Trung tâm Giống Quảng Bình thuộc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quản lý;

- Lộ trình thực hiện: Năm 2025;

b) Lĩnh vực Tài nguyên và Môi trường

- Hợp nhất Trung tâm Quan trắc tài nguyên và môi trường và Trung tâm Công nghệ thông tin tài nguyên và môi trường thành Trung tâm Quan trắc - Công nghệ thông tin Tài nguyên và Môi trường;

- Lộ trình thực hiện: Năm 2025;

c) Lĩnh vực Khoa học và Công nghệ

- Hợp nhất Trung tâm Ứng dụng và Thống kê khoa học và công nghệ và Trung tâm Kỹ thuật - Đo lường - Thử nghiệm thành Trung tâm Ứng dụng, Thống kê và Kỹ thuật khoa học và công nghệ thuộc Sở Khoa học và Công nghệ;

- Lộ trình thực hiện: Năm 2024;

3. Đơn vị sự nghiệp công lập thuộc UBND cấp huyện

a) Lĩnh vực giáo dục và đào tạo

- Tiếp tục thực hiện hợp nhất, sáp nhập 08 trường thành 04 trường, giảm 04 trường đã được Thường trực Tỉnh uỷ thống nhất chủ trương tại Công văn số 325-CV/TU ngày 15/3/2022 (*chi tiết theo phụ lục 01 đính kèm.*)

- Hợp nhất, sáp nhập 62 trường thành 31 trường, giảm 31 trường;

(*Chi tiết từng đơn vị, địa phương theo phụ lục 02 đính kèm.*)

b) Sự nghiệp khác

b1) Sáp nhập Đội Quy tắc đô thị huyện Minh Hoá vào Ban Quản lý các công trình công huyện Minh Hoá;

Lộ trình thực hiện: Năm 2024;

b2) Giải thể Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên thành phố Đồng Hới, chuyển chức năng nhiệm vụ về hướng nghiệp; dạy nghề, tư vấn nghề nghiệp trên địa bàn thành phố Đồng Hới cho Trường Cao đẳng Nghề Quảng Bình; chuyên chức năng nhiệm vụ giáo dục thường xuyên về Trung tâm Giáo dục thường xuyên tỉnh thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo;

- Lộ trình thực hiện: Năm 2024;

4. Đối với các đơn vị sự nghiệp công lập chưa đủ điều kiện thành lập theo quy định tại Nghị định 120/2020/NĐ-CP của Chính phủ (dưới 15 biên chế).

Sau khi thực hiện sắp xếp, toàn tỉnh còn 11 đơn vị sự nghiệp công lập chưa đủ điều kiện thành lập theo quy định tại Nghị định 120/2020/NĐ-CP của Chính phủ (dưới 15 biên chế viên chức), trong đó: cấp tỉnh: 05 đơn vị; cấp huyện: 06 đơn vị, cụ thể:

- Cấp tỉnh: 05 đơn vị: Trung tâm Đăng kiểm tàu cá thuộc Chi cục Thủy sản thuộc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (10 biên chế); Phòng Công chứng số 1 thuộc Sở Tư pháp (12 biên chế, đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo chi thường

⁷ Theo quy định tại Nghị định số 120/2020/NĐ-CP: Đối với đơn vị sự nghiệp đã được giao quyền tự, khi thành lập các đơn vị này thì số lượng người làm việc là viên chức tối thiểu được xác định theo Đề án thành lập

xuyên); Thư viện tỉnh thuộc Sở Văn hoá và Thể thao (13 biên chế), đơn vị do ngân sách nhà nước đảm bảo toàn bộ chi thường xuyên); Trung tâm Tư vấn - Xúc tiến đầu tư thuộc Sở Kế hoạch và Đầu tư (14 biên chế); Trung tâm Thông tin Xúc tiến Du lịch thuộc Sở Du lịch (14 biên chế).

- Đơn vị sự nghiệp thuộc UBND các huyện, thị xã, thành phố: 06 đơn vị;

+ Ban quản lý các công trình công cộng huyện Quảng Trạch (13 biên chế);

+ Trung tâm Dịch vụ nông nghiệp thuộc UBND huyện Tuyên Hóa (13 biên chế), Quảng Trạch (11 biên chế), Quảng Ninh (11 biên chế), thị xã Ba Đồn (11 biên chế), thành phố Đồng Hới (13 biên chế).

Trong khi chờ Thủ tướng Chính phủ ban hành danh mục dịch vụ sự nghiệp công cơ bản, thiết yếu trong từng ngành, lĩnh vực (được thành lập khi không đảm bảo số lượng người làm việc tối thiểu là 15 người), Bộ Nội vụ đã có Văn bản số 5950/BNV-TCBC⁸ cho phép tạm thời giữ nguyên thực trạng tổ chức bộ máy đối với các đơn vị nêu trên và sẽ thực hiện việc sắp xếp sau khi Thủ tướng Chính phủ ban hành danh mục dịch vụ sự nghiệp công cơ bản, thiết yếu trong từng ngành, lĩnh vực.

IV. KẾT QUẢ SAU SẮP XẾP, KIẾN TOÀN

Sau khi sắp xếp, kiện toàn đến 31/12/2025, toàn tỉnh còn 627 đơn vị sự nghiệp công lập, giảm 40 đơn vị so với năm 2023 và giảm 66 đơn vị so với năm 2021, đạt tỷ lệ 9,5%, cụ thể:

- Đơn vị sự nghiệp thuộc UBND tỉnh: 8 đơn vị, giữ nguyên;

- Đơn vị sự nghiệp thuộc các Sở, Ban, ngành: giảm 03 đơn vị;

- Đơn vị sự nghiệp trực thuộc UBND các huyện, thị xã, thành phố: giảm 63 đơn vị (*Chi tiết theo Phụ lục 03 đính kèm*)

Phần IV TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Nội vụ

- Tham mưu UBND tỉnh tổ chức triển khai nội dung Đề án đến các cơ quan, đơn vị, địa phương theo quy định;

- Thẩm định, trình UBND tỉnh quyết định đối với những nội dung thuộc thẩm quyền của UBND tỉnh; đôn đốc theo dõi, hướng dẫn triển khai đối với những nội dung thuộc thẩm quyền quyết định của Thủ trưởng cơ quan, đơn vị, địa phương;

- Hướng dẫn và theo dõi việc rà soát, xây dựng phương án, lộ trình sắp xếp số lượng cấp phó; giải quyết chế độ chính sách đối với số lượng cấp trưởng, cấp phó, viên chức dôi dư sau sắp xếp, kiện toàn tại các cơ quan, đơn vị, địa phương theo quy định;

- Hướng dẫn việc xây dựng và tham mưu UBND tỉnh thẩm định Đề án vị trí việc làm và cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp của các cơ quan, đơn vị, địa phương.

2. Sở Tài chính

Căn cứ Đề án này và việc sắp xếp, kiện toàn các đơn vị sự nghiệp được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt theo quy định, trên cơ sở dự toán đề nghị của các cơ quan, đơn vị, địa phương; Sở Tài chính tổng hợp vào dự toán ngân sách nhà

⁸ Văn bản số 5950/BNV-TCBC8 ngày 25/11/2022 về hướng dẫn một số nội dung tổ chức bộ máy tỉnh Quảng Bình;

nước hàng năm, tham mưu UBND tỉnh trình HĐND tỉnh phê chuẩn và bố trí kinh phí để thực hiện giải quyết chế độ, chính sách cho viên chức dôi dư sau khi sắp xếp, kiện toàn đảm bảo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn của Trung ương, tỉnh.

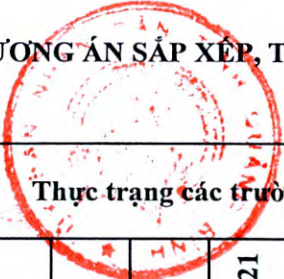
3. Các Sở, Ban, ngành, đơn vị sự nghiệp trực thuộc UBND tỉnh, UBND các huyện, thị xã, thành phố

- Tổ chức thực hiện Đề án này theo nội dung, lộ trình đề ra;
- Tổ chức quán triệt nội dung sắp xếp, kiện toàn đến toàn thể viên chức của cơ quan, địa phương;
- Tổ chức sắp xếp nhân sự, giải quyết chế độ, chính sách đối với số lượng viên chức dôi dư sau khi sắp xếp theo quy định;
- Xây dựng, tổ chức thực hiện phương án sắp xếp cấp phó của người đứng đầu đơn vị sự nghiệp, cấp phó của người đứng đầu phòng thuộc đơn vị sự nghiệp trực thuộc theo quy định tại Đề án;
- Xây dựng Đề án vị trí việc làm của cơ quan, địa phương, trình UBND tỉnh phê duyệt theo quy định.

Trên đây là Đề án sắp xếp, kiện toàn các đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn tỉnh Quảng Bình giai đoạn 2024-2025; đề nghị các cơ quan, đơn vị, địa phương nghiêm túc triển khai thực hiện./.



PHỤ LỤC 01
PHƯƠNG ÁN SẮP XẾP, TỔ CHỨC LẠI CÁC ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO CẤP HUYỆN GIAI ĐOẠN 2024-2025
(Đã có ý kiến của Thường trực Tỉnh uỷ)



TT	Thực trạng các trường trước khi sắp xếp, tổ chức lại										Phương án, quy mô sau sắp xếp, tổ chức lại				Lộ trình thực hiện	Ghi chú		
	Tên trường	Số lớp	Số học sinh	Biên chế năm 2021	Điểm trường	Tên trường	Số lớp	Số học sinh	Biên chế năm 2021	Điểm trường	Tên trường	Số lớp	Số học sinh	Biên chế năm 2021			Điểm trường	
I	Huyện Quảng Trạch																	
1	Trường THCS Quảng Kim	7	213	19	1	Trường Tiểu học Quảng Kim	12	378	22	1	Trường TH và THCS Quảng Kim	19	591	41	2	Năm học 2023-2024	Đã thực hiện	
2	Trường Mầm non Quảng Liên	8	205	20	1	Trường Mầm non Quảng Trường	9	181	23	2	Trường Mầm non Liên Trường	17	386	43	3	Năm học 2024-2025		
II	Huyện Tuyên Hóa																	
3	Trường THCS Thuận Hóa	4	127	16	1	Trường Tiểu học Thuận Hóa	11	222	21	2	Trường TH và THCS Thuận Hóa	15	349	37	3	Năm học 2022-2023	Đã thực hiện	
4	Trường Tiểu học số 2 Châu Hóa	5	151	14	1	Trường Tiểu học số 1 Châu Hóa	10	293	19	1	Trường Tiểu học Châu Hóa	15	444	33	2	Năm học 2022-2023	Đã thực hiện	
5	Trường THCS Văn Hóa	6	140	19	1	Trường Tiểu học Văn Hóa	9	236	17	1	Trường TH và THCS Văn Hóa	15	376	36	2	Năm học 2023-2024	Đã thực hiện	
6	Trường Mầm non Minh Cẩm	7	195	20	1	Trường Mầm non Nam Phong	6	132	17	1	Trường Mầm non Phong Hóa	13	327	37	2	Năm học 2023-2024	Đã thực hiện	
7	Trường Mầm non Thiết Sơn	7	188	21	1	Trường Mầm non Huyền Thủy	8	180	21	2	Trường Mầm non Thạch Hóa	15	368	42	3	Năm học 2024-2025		

[Handwritten signature]

[Handwritten signature]

[Handwritten signature]

TT	Thực trạng các trường trước khi sắp xếp, tổ chức lại										Phương án, quy mô sau sắp xếp, tổ chức lại					Lộ trình thực hiện	Ghi chú	
	Tên trường	Số lớp	Số học sinh	Biên chế năm 2021	Điểm trường	Tên trường	Số lớp	Số học sinh	Biên chế năm 2021	Điểm trường	Tên trường	Số lớp	Số học sinh	Biên chế năm 2021	Điểm trường			
III	Huyện Quảng Ninh																	
8	Trường THCS Trường Xuân	5	135	17	1	Trường PTDT Bán trú Tiểu học Trường Xuân	12	275	25	3	Trường TH và THCS Trường Xuân	17	410	42	4	Năm học 2023-2024	Đã thực hiện	
9	Trường Tiểu học số 1 An Ninh	12	372	22	1	Tiểu học số 2 An Ninh	13	391	24	1	Trường Tiểu học An Ninh	25	763	46	2	Năm học 2024-2025		
IV	Huyện Bố Trạch																	
10	Trường THCS Mỹ Trạch	4	153	15	1	Trường TH Mỹ Trạch	10	225	18	2	Trường TH và THCS Mỹ Trạch	14	378	33	3	Năm học 2022-2023	Đã thực hiện	
11	Trường THCS Bắc Dinh	7	180	20	1	Trường Tiểu học Bắc Dinh	14	286	23	2	Trường TH và THCS Bắc Dinh	21	466	43	3	Năm học 2023-2024		
V	Huyện Minh Hóa																	
12	Trường Tiểu học Hóa Lương	5	76	12	1	Trường TH và THCS Hóa Sơn	12	240	26	2	Trường TH và THCS Hóa Sơn	17	316	38	3	Năm học 2022-2023	Đã thực hiện	
VI	Thị xã Ba Đồn																	
13	Trường THCS Quảng Tân	7	188	21	1	Trường Tiểu học Quảng Tân	10	292	20	1	Trường TH và THCS Quảng Tân	17	480	41	2	Năm học 2022-2023	Đã thực hiện	
Tổng: 13 trường																		

me

PHỤ LỤC 02

PHƯƠNG ÁN SẮP XẾP, TỔ CHỨC LẠI CÁC ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO CẤP HUYỆN GIAI ĐOẠN 2024-2025

TT	Thực trạng các trường trước khi sắp xếp, tổ chức lại										Phương án, quy mô sau sắp xếp, tổ chức lại					Lộ trình thực hiện	Ghi chú
	Tên trường	Số lớp	Số học sinh	Biên chế năm 2022-2023	Điểm trường	Tên trường	Số lớp	Số học sinh	Biên chế năm 2022-2023	Điểm trường	Tên trường	Số lớp	Số học sinh	Biên chế năm 2022-2023	Điểm trường		
I	Huyện Quảng Trạch																
1	Trường Tiểu học Phù Hoá	11	361	22	1	Trường THCS Phù Hoá	8	222	23	1	Trường TH và THCS Phù Hoá	19	583	45	2	Năm học 2024-2025	
2	Trường Tiểu học Quảng Thạch	13	340	23	1	Trường THCS Quảng Thạch	7	190	21	1	Trường TH và THCS Quảng Thạch	20	530	44	2	Năm học 2025-2026	
3	Trường TH Quảng Phương A	13	350	23	1	Trường Tiểu học Quảng Phương B	14	426	22	1	Trường Tiểu học Quảng Phương	27	776	45	2	Năm học 2025-2026	
4	Trường TH số 1 Quảng Hưng	16	522	25	1	Trường TH số 2 Quảng Hưng	12	325	21	1	Trường Tiểu học Quảng Hưng	28	847	46	2	Năm học 2025-2026	
II	Huyện Tuyên Hóa																
5	Trường Tiểu học Lê Hoá	11	220	23	1	Trường THCS Lê Hoá	6	156	20	2	Trường TH và THCS Lê Hoá	17	376	43	3	Năm học 2024-2025	
III	Huyện Minh Hóa																
6	Trường Mầm non số 1 Trung Hoá	11	285	26	2	Trường Mầm non số 2 Trung Hoá	8	176	19	2	Trường Mầm non Trung Hoá	19	461	45	4	Năm học 2024-2025	
7	Trường Tiểu học số 1 Trung Hoá	10	196	26	2	Trường Tiểu học số 2 Trung Hoá	15	350	18	2	Trường Tiểu học Trung Hoá	25	546	44	4	Năm học 2025-2026	

[Handwritten mark]

[Handwritten mark]

TT	Thực trạng các trường trước khi sắp xếp, tổ chức lại										Phương án, quy mô sau sắp xếp, tổ chức lại					Lộ trình thực hiện	Ghi chú	
	Tên trường	Số lớp	Số học sinh	Biên chế năm 2022-2023	Điểm trường	Tên trường	Số lớp	Số học sinh	Biên chế năm 2022-2023	Điểm trường	Tên trường	Số lớp	Số học sinh	Biên chế năm 2022-2023	Điểm trường			
8	Trường Mầm non số 1 Thượng Hoá	13	213	25	3	Trường Mầm non số 2 Thượng Hoá	6	104	15	3	Trường Mầm non Thượng Hoá	19	317	40	6	Năm học 2025-2026		
IV	Thị xã Ba Đồn																	
9	Trường Tiểu học số 1 Quảng Văn	10	319	20	1	Trường Tiểu học số 2 Quảng Văn	10	254	20	1	Trường Tiểu học Quảng Văn	20	573	40	2	Năm học 2023-2024		
10	Trường Tiểu học Quảng Minh A	17	476	28	1	Trường Tiểu học Quảng Minh B	10	199	19	1	Trường Tiểu học Quảng Minh	27	675	47	2	Năm học 2023-2024		
11	Trường TH số 1 Quảng Hòa	19	595	31	1	Trường TH số 2 Quảng Hòa	10	259	20	1	Trường Tiểu học Quảng Hòa	29	854	51	2	Năm học 2024-2025		
12	Trường THCS Ba Đồn	11	432	26	1	Trường THCS Nguyễn Hàm Ninh	12	489	29	1	Trường THCS Ba Đồn	23	921	55	2	Năm học 2024-2025		
V	Huyện Quảng Ninh																	
13	Trường tiểu học Tân Ninh	11	360	21	1	Trường THCS Tân Ninh	8	279	22	1	Trường TH và THCS Tân Ninh	19	639	43	2	Năm học 2024-2025		
14	Trường tiểu học Hiền Ninh	12	383	23	1	Trường THCS Hiền Ninh	8	260	22	1	Trường TH và THCS Hiền Ninh	20	643	45	2	Năm học 2024-2025		
15	Trường tiểu học Lương Ninh	11	348	21	1	Trường THCS Lương Ninh	8	238	22	1	Trường TH và THCS Lương Ninh	19	586	43	2	Năm học 2025-2026		
16	Trường Tiểu học Hàm Ninh	15	468	27	1	Trường THCS Hàm Ninh	8	238	22	1	Trường TH và THCS Hàm Ninh	23	706	49	2	Năm học 2025-2026		
VI	Huyện Bố Trạch																	

TT	Thực trạng các trường trước khi sắp xếp, tổ chức lại										Phương án, quy mô sau sắp xếp, tổ chức lại				Lộ trình thực hiện	Ghi chú	
	Tên trường	Số lớp	Số học sinh	Biên chế năm 2022-2023	Điểm trường	Tên trường	Số lớp	Số học sinh	Biên chế năm 2022-2023	Điểm trường	Tên trường	Số lớp	Số học sinh	Biên chế năm 2022-2023			Điểm trường
17	Trường Tiểu học số 2 Phúc Trạch	22	419	36	4	Trường THCS Phúc Trạch	8	330	20	1	Trường TH và THCS Phúc Trạch	30	749	56	4	Năm học 2025-2026	
18	Trường tiểu học Phú Định	10	270	20	1	Trường THCS Phú Định	7	181	20	1	Trường TH&THCS Phú Định	17	451	40	2	Năm học 2025-2026	
19	Trường Tiểu học số 3 Hoàn Lão	10	291	20	1	Trường THCS số 1 Hoàn Lão	6	198	21	1	Trường TH&THCS Hoàn Lão	16	489	41	2	Năm học 2025-2026	
20	Trường tiểu học số 1 Xuân Trạch	12	363	23	1	Trường tiểu học số 2 Xuân Trạch	13	320	24	2	Trường tiểu học Xuân Trạch	25	683	47	3	Năm học 2025-2026	
21	Trường tiểu học số 1 Đại Trạch	14	396	23	1	Trường tiểu học số 2 Đại Trạch	13	369	23	1	Trường tiểu học Đại Trạch	27	765	46	2	Năm học 2025-2026	
22	Trường tiểu học số 1 Phúc Trạch	21	683	34	1	Trường tiểu học số 3 Phúc Trạch	14	409	24	1	Trường tiểu học Phúc Trạch	35	1092	58	2	Năm học 2025-2026	
23	Trường MN Khương Hà	8	236	20	1	Trường MN Cổ Giang	9	244	23	2	Trường MN Hưng Trạch	17	480	43	3	Năm học 2025-2026	
24	Trường MN Hải Trạch	17	497	39	1	Trường MN Phú Trạch	7	230	18	1	Trường MN Hải Trạch	24	727	57	2	Năm học 2025-2026	
VII	Huyện Lệ Thủy																
25	Trường Tiểu học số 1 Liên Thủy	10	292	20		Trường Tiểu học số 2 Liên Thủy	10	300	19		Trường Tiểu học Liên Thủy	20	592	39		Năm học 2024-2025	
26	Trường Tiểu học số 1 Sen Thủy	14	396	23	2	Trường Tiểu học số 2 Sen Thủy	10	193	18	2	Trường Tiểu học Sen Thủy	24	589	41	4	Năm học 2025-2026	
27	Trường Tiểu học số 1 Hồng Thủy	14	460	24		Trường Tiểu học số 2 Hồng Thủy	13	371	23		Trường Tiểu học Hồng Thủy	27	831	47		Năm học 2025-2026	

1. /

2.

3.

Thực trạng các trường trước khi sắp xếp, tổ chức lại										Phương án, quy mô sau sắp xếp, tổ chức lại					Lộ trình thực hiện	Ghi chú
TT	Tên trường	Số lớp	Số học sinh	Biên chế năm 2022-2023	Điểm trường	Tên trường	Số lớp	Số học sinh	Biên chế năm 2022-2023	Điểm trường	Tên trường	Số lớp	Số học sinh	Biên chế năm 2022-2023		
28	Trường Tiểu học số 1 An Thù	13	369	23		Trường Tiểu học số 2 An Thù	12	356	24		Trường Tiểu học An Thù	25	725	47		Năm học 2025-2026
29	Trường Tiểu học số 1 Kiến Giang	14	411	25		Trường Tiểu học số 2 Kiến Giang	14	447	26		Trường Tiểu học Kiến Giang	28	858	51		Năm học 2025-2026
VIII	Thành phố Đồng Hới															
30	Trường tiểu học Hải Đình	18	723	31		Trường tiểu học Đồng Mỹ	19	810	32		Trường tiểu học Đồng Hải	37	1533	63		Năm học 2024-2025
31	Trường THCS số 1 Bắc Lý	17	749	36		Trường THCS số 2 Bắc Lý	9	367	22		Trường THCS Bắc Lý	26	1116	58		Năm học 2024-2025
Tổng cộng		62 trường														

ly

h

2024

TT	Danh mục	Số lượng tính đến thời điểm 31/12/2021								Số lượng tính đến thời điểm 31/12/2023								Số lượng tính đến 31/12/2025								Biến động giai đoạn 2021-2025											
		Tổng cộng	Giáo dục và đào tạo	Giáo dục nghề nghiệp	Y tế	Khoa học và công nghệ	Nông nghiệp và PTNT	Thông tin và truyền thông	Văn hóa, TDTT	Sự nghiệp khác	Tổng cộng	Giáo dục và đào tạo	Giáo dục nghề nghiệp	Y tế	Khoa học và công nghệ	Nông nghiệp và PTNT	Thông tin và truyền thông	Văn hóa, TDTT	Sự nghiệp khác	Tổng cộng	Giáo dục và đào tạo	Giáo dục nghề nghiệp	Y tế	Khoa học và công nghệ	Nông nghiệp và PTNT	Thông tin và truyền thông	Văn hóa, TDTT	Sự nghiệp khác	Tổng cộng	Giáo dục và đào tạo	Giáo dục nghề nghiệp	Y tế	Khoa học và công nghệ	Nông nghiệp và PTNT	Thông tin và truyền thông	Văn hóa, TDTT	Sự nghiệp khác
	Sở Giao thông vận tải	3							3	3								3	3								3	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
	Sở Y tế	20		20					20		20							20		20							20	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
	Sở Lao động Thương binh và Xã hội	6							6	5								5	5							5	-1	0	0	0	0	0	0	0	0	-1	
	Sở Nông nghiệp và PTNT	9					9		10				10					9			9					0	0	0	0	0	0	0	0	0	0		
C	ĐVSN thuộc tổ chức hành chính khác thuộc UBND tỉnh	2	0	0	0	0	0	0	2	2	0	0	0	0	0	0	0	2	2	0	0	0	0	0	0	0	2	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
	Ban Quản lý Khu Kinh tế	2							2	2								2	2							2	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
D	ĐVSN thuộc ĐVSN cấp tỉnh	3	0	0	0	0	0	0	3	3	0	0	0	0	0	0	0	3	3	0	0	0	0	0	0	0	3	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
	Hạt Kiểm lâm Vườn Quốc gia Phong Nha - Kẻ Bàng	1							1	1								1	1							1	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
	Trung tâm Cứu hộ, Bảo tồn và Phát triển sinh vật	1							1	1								1	1							1	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
	Trung tâm Du lịch Phong Nha - Kẻ Bàng	1							1	1								1	1							1	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
E	ĐVSN thuộc UBND cấp huyện	586	525	8	0	0	8	8	8	29	560	510	8	0	0	8	8	0	26	523	475	7	0	0	8	8	0	25	-63	-50	-1	0	0	0	0	-8	-4
	Huyện Tuyên Hóa	77	69	1			1	1	1	4	71	65	1	0	0	1	1		3	69	63	1			1	1	3	-8	-6	0	0	0	0	0	-1	-1	

TT	Danh mục	Số lượng tính đến thời điểm 31/12/2021							Số lượng tính đến thời điểm 31/12/2023							Số lượng tính đến 31/12/2025							Biến động giai đoạn 2021-2025													
		Tổng cộng	Giáo dục và đào tạo	Giáo dục nghề nghiệp	Y tế	Khoa học và công nghệ	Nông nghiệp và PTNT	Thông tin và truyền thông	Văn hóa, TDTT	Sự nghiệp khác	Tổng cộng	Giáo dục và đào tạo	Giáo dục nghề nghiệp	Y tế	Khoa học và công nghệ	Nông nghiệp và PTNT	Thông tin và truyền thông	Văn hóa, TDTT	Sự nghiệp khác	Tổng cộng	Giáo dục và đào tạo	Giáo dục nghề nghiệp	Y tế	Khoa học và công nghệ	Nông nghiệp và PTNT	Thông tin và truyền thông	Văn hóa, TDTT	Sự nghiệp khác								
	Thị xã Ba Đồn	61	54	1		1	1	1	3	59	53	1			1	1		3	55	49	1			1	1		3	-6	-5	0	0	0	0	0	-1	0
	Thành phố Đồng Hới	63	53	1		1	1	1	6	58	50	1			1	1		5	55	48	0			1	1		5	-8	-5	-1	0	0	0	0	-1	-1
	Huyện Quảng Ninh	56	49	1		1	1	1	3	54	48	1			1	1		3	49	43	1			1	1		3	-7	-6	0	0	0	0	0	-1	0
	Huyện Bố Trạch	113	107	1		1	1	1	2	111	106	1	0	0	1	1		2	102	97	1			1	1		2	-11	-10	0	0	0	0	0	-1	0
	Huyện Quảng Trạch	67	59	1		1	1	1	4	65	58	1			1	1		4	60	53	1			1	1		4	-7	-6	0	0	0	0	0	-1	0
	Huyện Minh Hóa	57	49	1		1	1	1	4	54	47	1			1	1		4	50	44	1			1	1		3	-7	-5	0	0	0	0	0	-1	-1
	Huyện Lệ Thủy	92	85	1		1	1	1	3	88	83	1			1	1		2	83	78	1			1	1		2	-9	-7	0	0	0	0	0	-1	-1